

ADDRESSING FUNDAMENTAL AND URGENT ISSUES IN ETHNIC MINORITY AND MOUNTAINOUS AREAS TODAY – CURRENT SITUATION AND SOLUTIONS

Tran Ngoc Ngan¹

Nguyen Thi Thanh Ha²

^{1,2}Political Academy of the Ministry of National Defense

Email: nganhvct683@gmail.com¹; thanhhahtvct@gmail.com²

Received: 12/6/2025; Reviewed: 14/6/2025; Revised: 16/6/2025; Accepted: 25/6/2025

DOI: <https://doi.org/10.58902/tcnckhpt.v4i2.256>

Abstract: *In recent times, the Party, the State, and local authorities have paid attention to addressing urgent issues in ethnic minority and mountainous areas. The results achieved so far are commendable; however, many challenges remain to be resolved. This article focuses on identifying and clarifying the achievements and limitations in tackling these urgent issues, thereby several solutions are proposed to continue applying them creatively and effectively in the future.*

Keywords: *Socio-economic; Fundamental and urgent issues; Ethnic minority and mountainous areas.*

1. Đặt vấn đề

Vấn đề cơ bản và cấp bách ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) là những vấn đề có tính chất bức thiết, đòi hỏi phải được ưu tiên giải quyết kịp thời, đồng bộ và hiệu quả nhằm bảo đảm ổn định chính trị, phát triển bền vững kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh ở những địa bàn có đông đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) sinh sống và khu vực miền núi còn nhiều khó khăn. Hiện nay vấn đề cấp bách ở vùng DTTS&MN bao gồm: vấn đề cơ sở hạ tầng, giảm nghèo đa chiều một cách bền vững; bảo đảm an ninh vùng biên giới, ngăn chặn kích động chia rẽ dân tộc; tình trạng di cư tự do, tảo hôn, hôn nhân cận huyết; vấn đề bảo tồn ngôn ngữ, văn hóa truyền thống của các dân tộc; ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu ở khu vực rừng núi, vùng sâu vùng xa... Đây là những vấn đề có ảnh hưởng trực tiếp, sâu sắc đến đời sống của đồng bào DTTS. Trong thời gian qua, tuy được Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm, nhưng vùng DTTS&MN vẫn tồn tại nhiều hạn chế, khó khăn ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển bền vững và đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào DTTS. Điều đó đòi hỏi các cấp, các ngành, trực tiếp là cấp ủy, chính quyền địa phương cần tích cực, chủ động và phối hợp chặt chẽ để giải quyết có hiệu quả những vấn đề này, đáp ứng yêu cầu phát triển vùng DTTS&MN trong tình hình mới.

2. Tổng quan nghiên cứu

Đến nay, có nhiều công trình khoa học đã đề cập đến các vấn đề lý luận và thực tiễn về giải quyết vấn đề cấp bách ở vùng DTTS&MN, trong đó tiêu biểu là các công trình như: “Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách liên quan đến dân tộc, sắc tộc ở nước ta và trên thế giới - Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta” (Chương trình Nghiên cứu Khoa học cấp Nhà nước KX-04-05 năm 1995 – 2000); “Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách liên quan đến mối quan hệ dân tộc hiện nay” (Dật, 2001); “Nghiên cứu cơ sở khoa học đổi mới chính sách phát triển kinh tế- xã hội vùng DTTS giai đoạn 2016-2020” (Thành, 2015); Những vấn đề cơ bản và cấp bách về dân tộc thiểu số và chính sách dân tộc ở Việt Nam sau hơn 30 năm đổi mới (Hùng, 2021), Phòng chống sự chia rẽ, bảo vệ khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong tình hình hiện nay (Oanh, 2022); “Phát huy truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng giàu mạnh, văn minh, hạnh phúc” (Trọng, 2023)... Các công trình khoa học kể trên đã đề cập đến những vấn đề cấp bách ở vùng DTTS&MN dưới nhiều góc độ tiếp cận, phạm vi nghiên cứu khác nhau. Tuy nhiên, chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu, sâu sắc về việc giải quyết những vấn đề cơ bản và cấp bách ở vùng DTTS&MN, từ đó đề xuất một số giải pháp cụ thể để giải quyết vấn đề này.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết chủ yếu sử dụng phương pháp phân

tích tài liệu thứ cấp, tập trung vào Nghị quyết số 43-NQ/TW Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc, ngày 24 tháng 11 năm 2023; một số báo cáo của chính phủ và các công trình khoa học có liên quan. Đặc biệt, bài viết sử dụng Báo cáo số 139/BC-UBDT ngày 24 tháng 01 năm 2025 về Kết quả thực hiện công tác dân tộc năm 2024 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2025 để phân tích làm rõ thực tiễn và giải pháp giải quyết những vấn đề cấp bách ở vùng DTTS&MN.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Kết quả giải quyết những vấn đề cấp bách ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi Việt Nam hiện nay

Giải quyết vấn đề cơ bản và cấp bách trong quan hệ dân tộc

Việt Nam là một quốc gia thống nhất gồm 54 dân tộc anh em cùng sinh sống (trong đó dân tộc Kinh chiếm đa số) và có sự cư trú đan xen trên nhiều địa bàn của Tổ quốc. Các dân tộc chung sống hòa hợp, đồng thuận, tôn trọng, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau và đều tích cực tham gia vào quá trình phát triển đất nước. Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ lẫn nhau cùng phát triển là xu hướng chủ đạo; cố kết cộng đồng dân tộc được phát huy; tính thống nhất hữu cơ giữa các tộc người trong quốc gia - dân tộc được củng cố, tăng cường. Mỗi quan hệ giữa các dân tộc không chỉ thể hiện qua sự giao lưu văn hóa, hợp tác kinh tế, mà còn được biểu hiện sinh động trong đời sống hàng ngày thông qua các mối quan hệ hôn nhân, cộng cư, trao đổi hàng hóa, tương trợ trong lao động sản xuất và trong các dịp lễ hội truyền thống. Trong bối cảnh đất nước đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, quan hệ giữa các tộc người ngày càng được mở rộng và nâng lên một tầm cao mới, tạo nên một không gian văn hóa đa dạng nhưng thống nhất, góp phần làm phong phú thêm bản sắc dân tộc Việt Nam. Quan hệ giữa các dân tộc với quốc gia dân tộc Việt Nam là mối quan hệ bao trùm, chủ đạo, chi phối các mối quan hệ dân tộc ở nước ta, có ý nghĩa quan trọng với việc hình thành, phát triển quốc gia. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, nhân dân các dân tộc làm chủ trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội, Nhà

nước quan tâm phát triển toàn diện vùng DTTS. Quan hệ giữa tộc người đa số với thiểu số ngày càng phát triển trên mọi lĩnh vực. Quan hệ giữa các DTTS, cơ bản là đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, tăng cường giao lưu, tiếp biến văn hóa, ngôn ngữ trong quá trình phát triển trong một quốc gia thống nhất. Quan hệ nội bộ dân tộc được củng cố, tăng cường trên cơ sở có chung ngôn ngữ, văn hóa, tập quán, tín ngưỡng, lịch sử, quan hệ họ tộc... Mỗi dân tộc đều có bản sắc văn hóa riêng tạo thành chất keo cố kết nội bộ tộc người. Các mối quan hệ đồng tộc, thân tộc xuyên/liên biên giới ở nước ta đang ngày càng trở nên sâu rộng, tạo thêm nhiều cơ hội mới trong các lĩnh vực kinh tế, giáo dục, khoa học, tình cảm,...

Giải quyết vấn đề cơ bản và cấp bách trong phát triển kinh tế-xã hội vùng DTTS&MN

Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho vùng DTTS&MN. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình 30a tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trên các huyện nghèo; Chương trình 135 đã đầu tư chủ yếu vào 7 nhóm công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu... đã làm cho cơ sở hạ tầng ở khu vực này được cải thiện rõ rệt. Theo báo cáo tổng hợp của Bộ Tài chính, tổng số vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 dành cho 3 chương trình (Xây dựng nông thôn mới; giảm nghèo bền vững; phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào DTTS&MN) là 102.000 tỷ đồng (100.000 tỷ đồng vốn trong nước, 2.050 tỷ đồng vốn nước ngoài; vốn sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương bố trí đạt gần 97.900 tỷ đồng) (Ủy ban Dân tộc, 2025). Tính đến hết năm 2020, hệ thống giao thông vùng DTTS&MN đã được đồng bộ, hệ thống đường cao tốc, quốc lộ, tỉnh lộ được nâng cấp khá hiện đại; hệ thống đường giao thông đến trung tâm các xã được đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp mở rộng. Nhiều trường, lớp học, trạm y tế xã được xây dựng mới, kiên cố hóa, mua sắm thêm trang thiết bị thiết yếu phục vụ dạy và học, khám chữa bệnh. Đến nay, 98,4% xã vùng DTTS&MN có đường ô tô đến trung tâm; 96,7% hộ DTTS được sử dụng điện lưới quốc gia; 100% xã có trường lớp mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở; 99,3% xã có trạm y tế với 83,5% xã có trạm y tế đạt chuẩn, 69,1% số trạm y tế có bác sỹ, y tá khám chữa bệnh cho người dân;

trên 90% xã được phủ sóng phát thanh, truyền hình; 100% xã có hạ tầng viễn thông và được phủ sóng di động đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc của người dân; nhiều tỉnh có tỷ lệ giảm nghèo bình quân hằng năm trên 3%, vượt mục tiêu đề ra tại Chương trình hành động thực hiện Chiến lược Công tác dân tộc đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 (Ủy ban Dân tộc, 2025).

Ưu tiên đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất, đẩy nhanh công tác xóa đói giảm nghèo. Theo báo cáo của Bộ Tài chính, giải ngân vốn sự nghiệp từ ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình đến hết tháng 10/2024 là 3.092,453 tỷ đồng (đạt 15,7% tổng dự toán thực hiện trong năm). Trong đó Dự án “Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng” giải ngân đạt 30,2%, Dự án 1 “Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt” giải ngân đạt 28%, Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” giải ngân đạt 25,7% (Ủy ban Dân tộc, 2025).

Tốc độ tăng trưởng kinh tế của vùng DTTS&MN khá cao, trong đó các tỉnh vùng Tây Bắc tăng bình quân 8,0%/năm, Tây Nguyên tăng bình quân 7,5%/năm, Tây Nam bộ tăng bình quân 7,0%/năm (Ủy ban Dân tộc, 2025), chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, chú trọng áp dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất. Các mô hình, điển hình tiên tiến trong sản xuất, hợp tác sản xuất, kinh doanh được quan tâm tạo điều kiện nhân rộng. Một số địa phương tổ chức biểu dương thanh niên hoặc hộ dân vùng DTTS có mô hình kinh tế tiêu biểu, gương khởi nghiệp thành công, các hoạt động thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp, tiêu thụ sản phẩm và thu hút đầu tư vùng DTTS; nhiều doanh nghiệp, cơ sở sản xuất có nhiều đơn hàng, tạo nhiều việc làm mới. Từ đó, giúp đồng bào cải thiện thu nhập, ổn định cuộc sống, giảm tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo trong DTTS. Thu nhập và điều kiện sống của người dân được cải thiện và nâng cao, đời sống vật chất của đồng bào ngày càng được nâng lên. Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh hằng năm, đến năm 2024 tỷ lệ hộ nghèo DTTS đa chiều còn 12,55%, giảm 3,95 điểm % so với 2023 (Ủy ban Dân tộc, 2025). Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh

hoạt trên địa bàn các tỉnh vùng DTTS&MN đã giải quyết nước sinh hoạt cho hàng chục nghìn hộ đồng bào DTTS.

Chất lượng, hiệu quả phát triển giáo dục, đào tạo được nâng cao. Quy mô, mạng lưới trường lớp được củng cố, phát triển từ mầm non, phổ thông đến cao đẳng, đại học. Các chế độ, chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh là người DTTS được thực hiện kịp thời, đầy đủ, đúng quy định. Công tác quản lý giáo dục - đào tạo được đẩy mạnh, thu hút được các nguồn lực đầu tư, phát triển giáo dục và đào tạo. Chất lượng dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân được nâng lên. Mạng lưới y tế cơ sở ngày càng hoàn thiện; cơ sở vật chất và trình độ đội ngũ y, bác sỹ ngày một nâng lên. Đồng bào DTTS, phụ nữ, trẻ em dưới 6 tuổi, người dân vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo... ngày càng có nhiều cơ hội tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe cơ bản, đồng bào nghèo được khám chữa bệnh miễn phí và chính sách Bảo hiểm y tế (BHYT) được thực hiện đúng quy định. Các dịch bệnh sốt rét, bướu cổ cơ bản được khống chế; tuổi thọ trung bình tăng; tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm mạnh qua từng năm. Mô hình bác sỹ gia đình đang triển khai mở rộng. Chính sách đầu tư cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn được thực hiện đồng bộ, ưu tiên vùng DTTS&MN, nhiều chương trình hỗ trợ người dân vùng DTTS trong việc xây dựng các công trình vệ sinh, chuồng trại theo tiêu chí của chương trình xây dựng nông thôn mới được thực hiện. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nguồn nhân lực y tế vùng DTTS nhìn chung được quan tâm đầu tư; mạng lưới y tế cơ sở cơ bản được hoàn chỉnh, nhiều địa phương đạt 100% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; đội ngũ cán bộ y tế đáp ứng được yêu cầu chuyên môn, tỷ lệ trạm y tế có bác sỹ 100%; số lượt Nhân dân được khám bệnh theo chế độ BHYT ngày càng tăng. Một số địa phương quan tâm thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ đóng BHYT cho người DTTS đang sinh sống tại các xã khu vực II, III, thôn đặc biệt khó khăn; quan tâm vận động xã hội hóa chăm sóc bệnh nhân nghèo, kết hợp trao quà cho người dân vùng DTTS&MN, biên giới, kể cả người dân Campuchia, góp phần bảo đảm an sinh xã hội (Ủy ban Dân tộc, 2025).

Đời sống văn hoá cơ sở có bước phát triển,

cải thiện rõ rệt, một số di sản văn hoá của vùng đồng bào các DTTS được tôn vinh. Các thiết chế văn hóa cơ sở được tăng cường, các trung tâm văn hóa, thể thao xã, thôn đang được đầu tư xây dựng. Chính sách bảo tồn, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa các DTTS tiếp tục được quan tâm thực hiện,... gắn với du lịch tại địa phương, tranh thủ các nguồn vốn từ các Chương trình MTQG, góp phần phát triển kinh tế tại chỗ. Các hủ tục lạc hậu từng bước được xóa bỏ, đời sống tinh thần của đồng bào DTTS đã được cải thiện, mức hưởng thụ văn hóa được nâng lên. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với xây dựng nông thôn mới đã góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, đa dạng, phong phú.

Hệ thống chính trị cơ sở vùng DTTS&MN ngày càng được kiện toàn, chất lượng đội ngũ cán bộ ở cơ sở ngày một nâng lên. Đội ngũ cán bộ, công chức người DTTS được quan tâm xây dựng, tăng cường cả về số lượng và chất lượng, từng bước đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của hệ thống chính trị. Quốc phòng - an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở vùng DTTS&MN và khu vực biên giới không ngừng được củng cố và tăng cường. Công tác xây dựng thể trận an ninh nhân dân, phát triển phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc cả bề rộng và chiều sâu, với nội dung và hình thức phong phú, đa dạng. Tổ chức phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý hiệu quả các vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự; giải quyết kịp thời những phức tạp liên quan hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, tà đạo, đạo lạ phát sinh tại vùng đồng bào DTTS, chủ động đấu tranh kiềm chế, đẩy lùi hoạt động tuyên truyền đòi ly khai, tự trị.

4.2. Một số hạn chế trong giải quyết vấn đề cấp bách ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi hiện nay

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc giải quyết những vấn đề cấp bách ở vùng DTTS&MN vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế.

Việc xây dựng và ban hành chính sách chưa trọng tâm, trọng điểm, chưa khắc phục triệt để được tình trạng chồng chéo, trùng lặp về nội dung, đối tượng của chính sách; chưa có nhiều chính sách thí điểm đột phá mang tính động lực nhằm tạo chuyển biến rõ nét đối với vùng DTTS. Sự hạn chế, bất cập trong hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở và thoái hoá phẩm chất của một bộ

phận cán bộ ở địa phương, cùng với những hạn chế trong quá trình thực hiện chính sách dân tộc đã ảnh hưởng nhất định đến mối quan hệ giữa hệ thống chính trị với một bộ phận người dân, làm giảm niềm tin của một bộ phận nhân dân vào sự quản lý chính quyền địa phương.

Mặt trái của nền kinh tế thị trường đã ảnh hưởng đến mối quan hệ tộc người. Ở một số địa phương, đã xảy ra những va chạm, bất đồng trong quan hệ giữa các DTTS, chủ yếu trên lĩnh vực đất đai, lợi ích kinh tế, văn hóa, tín ngưỡng tôn giáo... Tình trạng chênh lệch phát triển giữa các dân tộc, các vùng miền vẫn còn khá lớn, đặc biệt giữa khu vực đồng bằng, đô thị với vùng DTTS&MN. Sự chênh lệch này thể hiện ở thu nhập bình quân đầu người, chất lượng giáo dục, y tế, tiếp cận dịch vụ công, việc làm và cơ hội phát triển. Kết cấu hạ tầng vẫn còn thiếu và yếu kém, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, nhiều tuyến đường giao thông kết nối với các vùng phát triển, vùng sản xuất hàng hóa chưa được đầu tư xây dựng. Không ít địa phương đầu tư mang tính dàn trải, định mức nguồn lực đầu tư hạn chế dẫn đến công trình thường có quy mô nhỏ, chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo chuẩn nông thôn mới.

Kinh tế chậm phát triển so với tiềm năng và phát triển chưa vững chắc, nhiều nơi tập quán canh tác còn lạc hậu, lúng túng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chất lượng sản phẩm thấp, tiêu thụ khó khăn, sức cạnh tranh và hiệu quả kinh tế thấp. Đời sống của đồng bào vùng DTTS&MN còn có nhiều khó khăn; công tác xóa đói, giảm nghèo tuy có tiến bộ, song tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo vẫn còn cao; công tác giảm nghèo chưa bền vững; chênh lệch mức sống giữa vùng đồng bào DTTS với mặt bằng chung cả nước chậm được thu hẹp. Một số vấn đề gây bức xúc trong đời sống của đồng bào DTTS, như: Di cư tự phát, nhà ở tạm bợ, thiếu đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, chưa được giải quyết hiệu quả. Tình hình sản xuất, đời sống của đồng bào còn nhiều khó khăn, việc làm có lúc, có nơi thiếu ổn định, doanh nghiệp thiếu nguồn cung nguyên liệu cho xuất khẩu; giá cả một số loại nông sản luôn biến động, có lúc giảm mạnh, khó tiêu thụ; dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi phức tạp; cháy nổ; rủi ro và tai nạn lao động tăng... Khí hậu thay đổi thất thường bất lợi theo vùng, miền như miền Bắc thời tiết lạnh, rét, nước lũ cao vượt mức báo động

3, trong khi Tây Nguyên và Nam bộ nắng nóng đặc biệt gay gắt; hạn, mặn xâm nhập, thiếu nước ngọt, triều cường dâng cao, sạt lở đất, các tỉnh Đông Nam bộ và Tây Nguyên thiếu nước trầm trọng phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất.

Chất lượng giáo dục và nguồn nhân lực vùng DTTS&MN vẫn còn thấp. Việc thực hiện một số chính sách ưu đãi về giáo dục cho vùng DTTS&MN thu được những kết quả nhất định nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực, nguồn cán bộ người DTTS cho sự phát triển bền vững của vùng DTTS&MN. Công tác đào tạo, dạy nghề, giải quyết việc làm cho đồng bào còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu. Chính sách việc làm đối với người lao động DTTS thiếu đồng bộ, tình trạng thiếu việc làm của thanh niên DTTS đang là vấn đề bức xúc, tỷ lệ thất nghiệp cao so với tỷ lệ thất nghiệp của cả nước. Trình độ chuyên môn kỹ thuật, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, phong tục, tập quán của đồng bào thấp dẫn đến khó tiếp cận các dịch vụ việc làm, nhất là đi làm việc ở nước ngoài; số người chưa đọc thông, viết thạo tiếng Việt, không biết nói tiếng dân tộc của mình có xu hướng tăng. Công tác chăm sóc sức khỏe cho đồng bào ở vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn. Khả năng tiếp cận và hưởng thụ các dịch vụ xã hội cơ bản của đồng bào DTTS còn rất khó khăn: Nhiều nơi môi trường sinh thái đang tiếp tục bị suy thoái.

Một số truyền thống văn hóa tốt đẹp đang bị mai một, mức hưởng thụ văn hóa của đồng bào còn thấp; một số tập quán lạc hậu, mê tín dị đoan có xu hướng phát triển. Sự xâm nhập của lối sống ngoại lai, văn hóa đại chúng thiếu chọn lọc đã ảnh hưởng đến sự gắn kết cộng đồng các tộc người, nhất là trong thế hệ trẻ. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống có nguy cơ bị mai một, trong khi đó việc bảo tồn và phát huy bản sắc tộc người ở một số nơi còn lúng túng, thiếu chiều sâu.

Hệ thống chính trị cơ sở ở một số nơi còn yếu, đặc biệt đội ngũ cán bộ có năng lực, trình độ còn hạn chế, nhất là thiếu đội ngũ cán bộ người DTTS hoặc có cán bộ dân tộc nhưng chưa được đào tạo. Tỷ lệ cán bộ là người DTTS trong chính quyền cấp huyện và tỉnh tại các địa phương có nhiều đồng bào DTTS còn thấp. Cán bộ người DTTS thiếu về số lượng, yếu về chất lượng, nhất là cán

bộ các ngành khoa học kỹ thuật, y tế, giáo dục; chưa có giải pháp tích cực nhằm phát huy mạnh mẽ vai trò của đội ngũ người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS&MN.

Một số thế lực thù địch đã tìm cách xuyên tạc chính sách dân tộc, kích động mâu thuẫn, gây mất ổn định tại một số địa bàn nhạy cảm. Chúng tìm cách khoét sâu vào những hạn chế, mâu thuẫn cục bộ hoặc tâm lý bất mãn trong một bộ phận đồng bào để kích động tư tưởng ly khai, tự trị, chống phá Đảng và Nhà nước. Một số vùng trọng điểm như Tây Nguyên, Tây Bắc, Tây Nam Bộ từng xảy ra những vụ việc phức tạp liên quan đến truyền đạo trái pháp luật, xuyên tạc chính sách dân tộc, tuyên truyền mê tín dị đoan, ảnh hưởng tiêu cực đến quan hệ tộc người và ổn định xã hội.

Tôn giáo ở vùng DTTS phát triển không bình thường: một số nơi xuất hiện hiện tượng truyền đạo trái phép, một số nơi tín đồ theo các tôn giáo tăng nhanh không bình thường, một số tín đồ, chức sắc tôn giáo bị các thế lực thù địch lợi dụng gây rối mất trật tự an ninh, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, chống phá cách mạng.

5. Bàn luận

Để nâng cao chất lượng, hiệu quả quyết vấn đề cấp bách ở vùng DTTS&MN trong thời gian tới, cần thực hiện tốt một số giải pháp chủ yếu sau:

Một là, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của vấn đề dân tộc và giải quyết những vấn đề cơ bản và cấp bách ở vùng DTTS&MN. Khi nhận thức đúng đắn và thống nhất cao trong thực hiện mới có quyết tâm cao, hành động quyết liệt để giải quyết những vấn đề thực tiễn đang đặt ra. Muốn vậy, phải thường xuyên quan tâm đổi mới và nâng cao chất lượng công tác thông tin, tuyên truyền, vận động, phổ biến, giáo dục chính sách dân tộc cho cả hệ thống chính trị và nhân dân; đi sâu, đi sát nắm bắt tình hình, nắm chắc diễn biến tâm tư tình cảm của đồng bào, kịp thời giải quyết những vấn đề bức thiết của địa phương.

Hai là, đổi mới, nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật, tạo sự phát triển đột phá ở vùng DTTS&MN. Đổi mới tư duy trong xây dựng chính sách, đảm bảo thiết thực và phù hợp với địa bàn, đặc điểm sinh hoạt, tập quán của đồng bào DTTS. Trên cơ sở tổng kết, đánh giá tác động của chính sách dân tộc đối với vùng

DTTS, dự báo, tham mưu và bố trí nguồn lực để thực hiện chính sách một cách có hiệu quả. Việc ban hành các chính sách dân tộc phải phù hợp với thực tiễn, có tính khả thi cao, nhất là phải bố trí đủ kinh phí, nguồn lực để thực hiện các chính sách. Thực hiện các chính sách đầu tư, hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, manh mún; chú trọng huy động nguồn lực hỗ trợ của doanh nghiệp, các nước và các tổ chức quốc tế, mở ra cơ chế thuận lợi để tranh thủ các nguồn lực từ các nhà tài trợ, các tổ chức quốc tế đầu tư cho vùng DTTS&MN. Đổi mới tư duy, cách nghĩ, cách làm để phát huy tốt hơn lợi thế so sánh của vùng DTTS&MN trong bối cảnh tình hình mới của đất nước, tập trung giải quyết các lĩnh vực thiết thực, sát với đòi hỏi thực tiễn nhằm thực hiện thành công các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Ba là, cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước phù hợp với điều kiện thực tiễn. Thường xuyên bám sát sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước; cụ thể hóa các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội, chương trình, kế hoạch của Chính phủ thành những chính sách, chương trình hành động, kế hoạch cụ thể, đồng bộ và thống nhất. Chú trọng huy động, quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực (nhất là ngân sách nhà nước), đa dạng hóa các hình thức, cơ chế huy động nguồn lực xã hội để thực hiện các chương trình, dự án ở vùng DTTS&MN. Trong quá trình thực hiện cần tăng cường sự phối hợp chặt chẽ của các Bộ, ngành; tính chủ động tích cực của địa phương là quyết định và phát huy dân chủ, tinh thần làm chủ, tự lực của nhân dân trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc.

Bốn là, chăm lo, củng cố, kiện toàn hệ thống chính trị ở cơ sở; xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh; đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội; phát huy dân chủ ở cơ sở, đề cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu cấp

ủy, chính quyền, các cơ quan, đơn vị đối với công tác dân tộc. Coi trọng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ người DTTS; xây dựng lực lượng cốt cán, phát huy vai trò người có uy tín, già làng, trưởng thôn, bản, trưởng dòng họ trong cộng đồng DTTS. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ người DTTS tại chỗ. Đảm bảo tỷ lệ cán bộ người DTTS trong tổ chức Đảng, chính quyền, hệ thống chính trị các cấp phù hợp với tỷ lệ dân số giữa các dân tộc trong địa bàn.

Năm là, tiếp tục củng cố và nâng cao vai trò tham mưu của các cơ quan làm công tác dân tộc từ Trung ương tới cơ sở, coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc, cán bộ người dân tộc thiểu số. Ủy ban Dân tộc phải làm tốt vai trò là đầu mối chủ trì phối hợp nhiệm vụ giữa các Bộ, ngành trong quản lý, kiểm tra, tổng kết đánh giá tình hình thực hiện chính sách dân tộc.

Sáu là, chú trọng nhân rộng các mô hình, điển hình dân vận khéo trong việc triển khai, thực hiện chính sách dân tộc, các chương trình dự án; nâng cao chất lượng giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội; phát huy vai trò của đoàn viên, hội viên, người uy tín trong việc tham gia tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS.

6. Kết luận

Những khó khăn, hạn chế ở vùng DTTS&MN là những thách thức lớn, có ảnh hưởng trực tiếp và sâu rộng đến sự ổn định và phát triển bền vững của khu vực này, cần được ưu tiên xử lý bằng những chính sách đồng bộ, đặc thù và dài hạn, với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự tham gia chủ động của chính đồng bào DTTS. Trước thời cơ, vận hội và những thách thức mới, các cấp, các ngành, mà trực tiếp là chính quyền địa phương, cần vận dụng sáng tạo, linh hoạt chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, chủ động khơi dậy, phát huy sức mạnh nội lực để giải quyết có hiệu quả những vấn đề cơ bản và cấp bách ở vùng DTTS&MN hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- Dat, P. H. (2001). *Máy van de lý luận và thực tiễn cấp bách liên quan đến mọi quan hệ dân tộc hiện nay*. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia.
- Hung, P. V. (2021). *Những vấn đề cơ bản và cấp bách về dân tộc thiểu số và chính sách dân*

- toc ở Việt Nam sau hơn 30 năm đổi mới*. Hà Nội: Nxb Khoa học xã hội.
- Oanh, N. H. (2022). *Phong cách su chia rẽ, bạo lực dai dẳng kết toán dân tộc trong tình hình hiện nay*. Truy cập ngày 01 tháng 4 năm

- 2025 tu <https://www.qdnd.vn/phong-chong-dien-bien-hoa-binh/phong-chong-su-chia-re-bao-ve-khoi-dai-doan-ket-toan-dan-toc-trong-tinh-hinh-hien-nay-689973>.
- Thanh, B. T. (2015). *Nghien cuu co so khoa hoc doi moi chinh sach phat trien kinh te - xa hoi vung dan toc thieu so giai doan 2016-2020*. Ha Noi: Uy ban Dan toc.
- Trong, N. P. (2023). *Phat huy truyen thong dai doan ket toan dan toc, xay dung dat nuoc ta ngay cang giao manh, van minh, hanh phuc*. Ha Noi: Nha xuất bản Chính trị quốc gia Su that.
- Uy ban Dan toc. (2025). *Bao cao ket qua thuc hien cong tac dan toc nam 2024 va nhiem vu trong tam nam 2025, Bao cao so 139/BC-UBDT ngay 24 thang 1 nam 2025*.

GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ CƠ BẢN VÀ CẤP BÁCH Ở VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI HIỆN NAY – THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Trần Ngọc Ngân¹

Nguyễn Thị Thanh Hà²

^{1,2}Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng

Email: nganhvct683@gmail.com¹; thanhvct@gmail.com²

Ngày nhận bài: 12/6/2025; Ngày phản biện: 14/6/2025; Ngày tác giả sửa: 16/6/2025;

Ngày duyệt đăng: 25/6/2025

DOI: <https://doi.org/10.58902/tcnckhpt.v4i2.256>

Tóm tắt: Thời gian qua, Đảng, Nhà nước, chính quyền địa phương đã quan tâm giải quyết những vấn đề cấp bách ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Những kết quả đã đạt được là đáng ghi nhận, tuy nhiên vẫn còn khá nhiều vấn đề cần tiếp tục giải quyết. Bài viết tập trung nhận diện và làm rõ kết quả, hạn chế trong giải quyết những vấn đề cấp bách ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi, từ đó đề xuất một số giải pháp để tiếp tục vận dụng sáng tạo, có hiệu quả trong thời gian tới.

Từ khóa: Kinh tế - xã hội; Vấn đề cơ bản và cấp bách; Vùng dân tộc thiểu số và miền núi.